

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THÁI BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/HS-ST

Ngày 19 - 7 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Nguyễn Ngọc Vịnh

Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số nhà 472, đường L B, tổ 1, phường Qu Tr, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Đặng Thị Th (đều đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tháng 6/2006 Công an phường KB, thành phố Thái Bình xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tháng 9/2006 bị UBND thành phố Th B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh; Tháng 02/2009, bị Phòng PC 17, Công an tỉnh xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/3/2021 đến ngày 18/3/2021 chuyển tạm giam,

hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. Phạm Văn M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn Đ L, xã V A, huyện K X, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Phạm Văn Kh và bà Lương Thị Th ; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định áp dụng Biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14 ngày 14/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph Th , thành phố Hà Nội thời gian 18 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn M:* Ông Phạm Xuân Tr - Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Hữu Lâm và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình

** Bị hại:* Anh Phạm Đăng D, sinh năm 1980; trú tại: Khu 2, thị trấn M T, huyện M T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D: ông Hà Trọng Đ – Luật sư Văn phòng Luật sư Hà Trọng Đ và cộng sự – Đoàn Luật sư Hà Nội (có mặt).

** Người làm chứng:*

1. Anh Lại Tuấn Kh, sinh năm 1972; trú tại: SN 10, ngõ 37, phường Qu Tr, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Anh Phùng Quang T1, sinh năm 2000, trú tại thôn A V, xã V A, huyện KX, tỉnh Thái Bình.(vắng mặt)

3. Chị Lại Thị L A, sinh năm 1970; trú tại: SN 10A, ngõ 37, phường Qu Tr, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, Nguyễn Văn T cùng anh Lại Tuấn Kh, anh Phạm Đăng D cùng ăn cơm, uống rượu tại nhà anh Lại Tuấn Kh. Trong lúc ăn cơm giữa T và anh D có xảy ra mâu thuẫn nên T tức bỏ về nhà. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T đi ra ngoài cửa thì thấy anh Phạm Minh Th, sinh năm 1996, trú tại: thôn A V, xã V A, huyện K X là người thuê nhà của T để bán hoa, do vẫn bức tức về lời nói của anh D nên T đi đến chỗ anh Th nói “mày có rồi không đi

ra đây với chú có tý việc, có thằng nó hơi láo với chú”. Anh Th nói bận và dùng điện thoại gọi cho Phạm Văn M bảo M lên gặp T có việc cần nhờ, M đồng ý. Sau đó M rủ anh Phùng Quang T1 lên thành phố Thái Bình chơi, M điều khiển xe mô tô BKS 17AA-73358 chở anh T1 đến nhà T, đến nơi, M đi vào gian buồng ngủ gặp T, còn T1 đứng tại gian nhà ngoài. T nói: *“có thằng láo với anh, ý chú thế nào?”*, M hiểu ý là đi đánh nhau nên nói *“đi thôi”* rồi M và anh T1 đi ra xe trước. T lấy một con dao bằng kim loại (dạng dao phớ) dài khoảng 40cm, rộng khoảng 5cm dắt vào bên trong áo khoác đang mặc rồi điều khiển xe mô tô của T đi trước dẫn đường, M chở anh T1 đi sau. Đến đầu ngõ vào nhà anh Kh (ngõ 37, tổ 2, phường Qu Tr) T bảo M đứng ngoài chờ, khi T gọi thì vào. T đi vào ngõ, thì M dặn anh T1 đứng ngoài coi xe còn M cũng đi bộ vào theo. Đến nơi, T gọi công, anh D ra mở cổng, T nói với D *“ý mày lúc này bảo không đủ tư cách là thế nào, mày thích chết không?”*, anh D nói *“ai thích chết đâu mà anh hỏi vậy”*. T chạy ra mở cổng, M đã đứng chờ trước cổng liền chạy vào nhà. T chạy trước, dùng tay phải rút con dao phớ từ trong áo khoác đang mặc cầm trên tay, M chạy sau T. Khi vào trong nhà, anh Kh đang đứng cạnh tủ lạnh, T xô vào người anh Kh làm anh Kh ngã ra nền nhà, anh D lùi sát về phía giường bên phải cửa ra vào, T vung dao hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái chém về phía anh D, anh D cầm điều cày ở tay phải, giơ lên đỡ thì bị chém vào tay. Anh D nhảy lên giường, T và M cùng nhảy lên theo làm giường sập xuống nền nhà, M dùng tay phải giật điều cày trên tay anh D vắt xuống nền nhà. Anh D khom người dùng hai tay ôm che đầu, M dùng chân phải đá liên tiếp 02 phát vào ngực và khuỷu tay anh D làm anh D ngã lùi vào góc giường, T đồng thời vung dao chém liên tiếp hướng từ trên xuống dưới, về phía đầu anh D, anh D lấy hai tay che đầu. T chém hai phát vào vai phải anh D, 04 đến 05 nhát vào vị trí đầu anh D, trúng vào đầu (thái dương phải) và hai tay của anh D đang che trên đầu. Lúc này chị gái của anh Kh là Nguyễn Thị L A chạy sang can ngăn, kéo T xuống khỏi giường, M đi trước ra ngoài phía đầu ngõ 37 bảo anh T1 chở về nhà còn T cầm dao đi ra ngoài cổng, dắt xe mô tô theo hướng ngược lại ra đường Qu Tr. Do không tìm thấy chìa khóa xe nên T để xe trước cửa số nhà 35, đường Qu Tr rồi đi bộ về hướng ngã tư An Tập. Trên đường đi, T vớt con dao ở vệ đường Qu Tr (Cơ quan điều tra không thu giữ được), rồi đi xe ôm đến nhà anh Nguyễn Minh Th1 ở số nhà 496, tổ 3, đường Tr Th T, phường Qu Tr, thành phố Th B nói với Th1 về việc chém anh D và nhờ anh Th1 đi lấy xe máy. Sau đó, T bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 12/3/2021 ra đầu thú, ngày 01/3/2021 anh Th1 mang xe của T đến giao nộp cho cơ quan công an. Anh D được đưa đi cấp cứu, điều trị từ ngày 28/02/2021 đến ngày 15/3/2021 thì xuất viện.

Bản kết luận giám định pháp y số 56/21/TgT ngày 11.3/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình kết luận về thương tích đối với anh Phạm Đăng D, thể hiện: *Dấu hiệu chính qua giám định: thương tích đầu, vùng vai phải, vùng bàn tay phải và vùng bàn tay trái do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da. Bàn tay phải: gãy hở đốt 1 ngón II, đứt gân duỗi, gấp ngón II. Bàn tay trái: gãy hở chỏm đốt 1 ngón I, đứt gân duỗi ngón I; đứt gân gấp sâu ngón II, III, IV vùng II; gãy hở đốt II ngón IV. Hiện tại: Các vết thương còn sưng nề chưa cắt chỉ, đau; các ngón tay hai bên hiện tại chưa vận động được; Phạm Đăng D mới phẫu thuật, các vết thương còn chưa cắt chỉ, còn đặt nẹp nên chưa đánh giá được việc đứt các gân có ảnh hưởng tới chức năng vận động của cánh – cẳng – bàn tay hay không. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 23%.*

Bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 05/22/TgT ngày 13/01/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình kết luận về thương tích đối với anh Phạm Đăng D thể hiện: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung là 26%.*

Cáo trạng số 23/CT-VKSTB ngày 15/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn M về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mô tả, các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Anh Phạm Đăng D cho rằng cả bị cáo M và bị cáo T đều cầm dao chém anh, vì nếu một mình bị cáo T chém thì không thể chém nhiều nhất như thế được. Anh D đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn M phạm tội “Giết người”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 57; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 57; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với khoản thuê xe 26.000.000 đồng không chấp nhận, chỉ chấp nhận đi bằng phương tiện công cộng; tiền thu nhập chỉ tính mức thu nhập trung bình là 300.000 đồng/ngày. Buộc hai bị cáo phải bồi thường cho anh

Phạm Đăng D các khoản tổng từ 111.739.000 đồng đến 124.240.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, tác động tích cực đến gia đình để bồi thường cho bị hại. Đề nghị HĐXX giảm hình phạt cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh D trình bày:

- Không có ý kiến gì với đề xuất của Đại diện VKS về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Thứ nhất: Khoản thuê xe 26.000.000 đồng, thực chất số tiền này gia đình anh D đã phải bỏ ra để thuê xe vì thời điểm đó dịch Covid, không có phương tiện công cộng, nên bắt buộc phải thuê xe.

Thứ hai: Đối với thu nhập của anh D thì anh D là thợ cơ khí lành nghề, thương tích ở tay đã hạn chế rất nhiều đến việc làm và thu nhập của anh D, vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo còn được chứng M bằng các tài liệu chứng cứ sau:

- Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản ảnh khám nghiệm hiện trường do Công an thành phố Thái Bình lập hồi 16 giờ 30 phút ngày 01/3/2021.

- Bản ảnh giám định, bản ảnh xem xét dấu vết thân thể của anh Phạm Đăng D.

- Bản kết luận giám định pháp y số 56/21/TgT ngày 11/3/2021 và Bản kết luận

giám định bổ sung pháp y số 05/22/TgT ngày 13/01/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình kết luận về thương tích đối với anh Phạm Đăng D.

- Bản kết luận giám định số 09/KLGĐSH-PC09 ngày 08/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận đối với 01 vỏ chăn, ga giường, vỏ gối, vỏ đệm, ông tre nửa dạng điều cày thu giữ tại hiện trường nhà anh Lại Tuấn Kh: trên mẫu vật gửi giám định có dấu vết máu người.

- Kết luận giám định số 30/KLGDDDDT-PC09 ngày 26/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với dữ liệu điện tử là hình ảnh Camera tại khu vực ngõ 37, tổ 2, phường Qu Tr: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh của 05 file (tập tin) video lưu giữ trong 03 đĩa CD gửi giám định. Hình ảnh của các đối tượng, công cụ, phương tiện liên quan đến vụ việc trên được trích xuất, thể hiện trong phụ lục kèm theo Kết luận giám định.

- Biên bản làm việc đối với Nguyễn Văn T, nội dung: bị cáo T đọc hình ảnh, xác định người, công cụ, phương tiện liên quan đến vụ án xuất hiện tại các thời điểm được Camera ghi lại ngày 28/02/2021.

- Biên bản nhận dạng đối với Phạm Văn M của anh Phạm Đăng D, anh Lại Tuấn Kh, chị Nguyễn Thị L A.

- Lời khai của bị hại anh Phạm Đăng D; người làm chứng anh Lại Tuấn Kh, chị Lại Thị L A, anh Phùng Quang T1.

[3] Đối với ý kiến của anh Phạm Đăng D cho rằng, cả bị cáo T và bị cáo M cùng cầm dao dạng phớ chém anh, gây thương tích, HĐXX thấy: anh D khai khi bị chém hai tay anh ôm đầu cúi xuống không quan sát được ai chém, chém như nào mà chỉ biết nếu một mình bị cáo T chém thì không thể có nhiều vết thương như thế. Tuy nhiên, lời khai của hai người làm chứng trực tiếp là chị Lại Thị L A và anh Lại Tuấn Kh đều khai chỉ có bị cáo T cầm dao chém, còn bị cáo M không cầm đồ vật gì. Lời khai của anh Kh, chị L A phù hợp với lời khai của hai bị cáo, với hình ảnh trích xuất từ camera. Do đó, có căn cứ để xác định chỉ một mình bị cáo T cầm dao chém anh D.

[4] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 28/02/2021 tại gia đình anh Lại Tuấn Kh, Nguyễn Văn T có hành vi dùng dao (dạng phớ) dài khoảng 40cm, rộng khoảng 5cm cùng với Phạm Văn M đuổi anh Phạm Đăng D chạy lên giường, bị cáo M giật điều cày trên tay anh D, dùng chân đá anh D hai cái; bị cáo T dùng dao chém nhiều nhát, hướng từ trên xuống dưới về phía đầu anh D. Anh D khom người dùng 02 tay ôm che lên đầu và bị chém 02 nhát vào vai phải, 04 đến 05 nhát vào vùng đầu là vùng trọng yếu của cơ thể, đã trúng vào thái dương phải và hai tay che trên đầu. hậu quả anh D bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 26%. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào

tội Giết người được quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự như truy tố của cáo trạng là có căn cứ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý.

Điều 123. Tội giết người:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a, Giết hai người trở lên;

b, Giết người dưới 16 tuổi;

....

n, Có tính chất côn đồ;

...

2. Phạm tội không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

....

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của người khác. Giữa bị cáo T và bị hại anh D chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong lúc ăn cơm nhưng bị cáo T đã rủ bị cáo M cùng đi đánh anh D, bị cáo T cùng với bị cáo M dồn anh D lên giường, sau đó bị cáo M đập anh D hai nhát còn bị cáo T đã dùng dao (dạng phớ) chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu của anh D. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, coi thường pháp luật, coi thường mạng sống của người khác, việc anh D không chết là nằm ngoài ý chí của các bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS đã viện dẫn ở trên để xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm, cần đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự cho phù hợp:

- Nguyễn Văn T là người có xích mích với anh D, chủ động rủ bị cáo M cùng đi đánh anh D, chuẩn bị hung khí và trực tiếp chém anh D nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất.

- Phạm Văn M không có mâu thuẫn với anh D, khi được bị cáo T rủ đi đánh nhau cũng đồng ý, khi gặp anh D bị cáo đã cùng T đuổi anh D buộc anh D phải chạy lên giường, sau đó M cùng với T cùng chạy lên giường, làm giường sập, M là người đập anh D trước, anh D ngã về phía góc giường, sau đó T dùng dao chém liên tiếp vào vùng đầu của anh D, do đó M giữ vai trò thứ hai.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội khai báo thành khẩn, các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo T đầu thú, bị hại xin giảm hình phạt bị cáo nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Trường hợp phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên các bị cáo được áp điều 57 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt: Từ việc phân tích, đánh giá mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, HĐXX thấy cần xét xử các bị cáo với mức hình phạt như đề nghị của Đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Phạm Đăng D yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản sau:

- Chi phí thuốc men, khám chữa bệnh	35.189.404 đồng
- Tiền thuê xe ô tô đi mổ rút kim	13.000.000 đồng
- Tiền thuê xe ô tô để làm việc với cơ quan điều tra	13.000.0000 đồng
- Tiền vé xe ô tô từ Lai Châu lên Hà Nội và ngược lại	1.600.000 đồng
- Tiền công người chăm sóc trong 5 ngày x 350.000đ	1.750.000 đồng
- Tiền thu nhập bị mất trong thời gian chữa trị và phục hồi sức khỏe: 12 triệu x 8 tháng.	96.000.000 đồng
- Tiền thu nhập bị giảm sút	50.000.000 đồng
- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 50 tháng lương	74.500.000 đồng
Tổng cộng	285.039.404 đồng

Xét yêu cầu bồi thường của anh Phạm Đăng D và đề nghị của Đại diện VKS tại phiên tòa thấy:

- Đối với chi phí điều trị: chấp nhận toàn bộ số tiền 35.189.404 đồng

- Chi phí đi lại, anh D yêu cầu tổng cộng 27.600.000 đồng trong đó có 2 lần thuê xe với số tiền là 26.000.000 đồng. Theo trình bày của anh D cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì tại thời điểm đó do dịch Covid không có phương tiện vận tải công cộng nên phải thuê xe đi mổ lấy đinh và về làm việc với Cơ quan điều tra tỉnh Thái Bình, xét tình hình thực tế thời điểm thuê xe (tháng 5/2021 và tháng 8/2021) dịch Covid đang D biến phức tạp nên cần chấp nhận toàn bộ số tiền này.

- Đối với thu nhập bị mất: anh D yêu cầu bồi thường 12 triệu đồng thu nhập hàng tháng trong thời gian 8 tháng, nhưng anh D không cung cấp được các căn cứ chứng M cho mức thu nhập của mình, vì vậy sẽ lấy mức thu nhập bình quân là

300.000đ/ngày x 30 ngày = 9.000.000 đồng. Về thời gian điều trị và phục hồi sức khỏe: anh D điều trị từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2021 mổ rút đinh là 3 tháng, 01 tháng phục hồi là 4 tháng x 9.000.000 đồng, tổng cộng là 36.000.000 đồng.

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần anh D yêu cầu 74.500.000 đồng là cao, chỉ chấp nhận mức 30.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như mức độ thương tích của anh D.

- Về thu nhập bị giảm sút: anh D yêu cầu 50.000.000 đồng, xét thấy anh D sau khi mổ rút đinh, bác sỹ chỉ dặn khám lại sau 1 tháng, không có chỉ định về việc kiêng vận động, do đó chấp nhận mức thu nhập bị giảm sút của anh D là 19.711.000 đồng.

- Công người chăm sóc trong 5 ngày nằm viện cũng tính mức thu nhập bình quân là 300.000đ/ngày x 5 ngày = 1.500.000 đồng.

Tổng cộng là 150.000.404 đồng

Cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh D, do bị cáo T giữ vai trò chính, là người trực tiếp chém anh D nên mức của bị cáo T cao hơn so với bị cáo M.

Trước khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho anh D số tiền 50.000.000 đồng; gia đình bị cáo M đã bồi thường cho anh D 22.000.000 đồng và 8.000.000 đồng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình tại Biên lai thu số 0002123 ngày 31/3/2022.

[8] Về vật chứng: Gồm 01 vỏ chăn có họa tiết ca rô, 01 ga trải giường dạng chun, màu xám; 01 vỏ gối màu xanh, 01 vỏ đệm, 01 vỏ gối dạng gối ôm, 01 đoạn ống tre nửa dạng điều cây là tài sản của anh Kh, 01 đôi giày thể thao màu xám, 01 mũ bảo hiểm, 01 quần dài dạng thể thao thu của bị cáo M, không còn giá trị sử dụng, anh Kh không xin lại, không yêu cầu bồi thường vì vậy cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade Biển kiểm soát 17B1-124.48 là phương tiện Nguyễn Văn T dùng để đi lại, 01 điện thoại di động Nokia 222, không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả cho bị cáo T.

[8] Về vấn đề khác:

- Đối với anh Phạm Minh Th được bị cáo T rủ đi đánh nhau nhưng anh Th từ chối không đi, bị cáo T nhờ anh Th gọi cho bị cáo M, anh Th khai khi gọi cho bị cáo M có nói về việc lên gặp bị cáo T để đi đánh nhau. Nguyễn Văn T không thừa nhận việc nói với anh Th việc rủ anh Th đi đánh nhau, không thừa nhận việc bảo anh Th gọi bị cáo M đi đánh nhau, Phạm Văn M không thừa nhận việc anh Th gọi điện bảo lên gặp bị cáo T để đi đánh nhau, chỉ khi bị cáo M lên gặp bị cáo T thì mới biết. Hiện anh Th vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ,

khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

- Anh Phùng Quang T1 là người được M rủ đi cùng, anh T1 không biết, không nghe thấy việc Nguyễn Văn T và Phạm Văn M bàn nhau đi đến nhà anh Kh để đánh nhau, anh T1 đi cùng bị cáo M, đứng ngoài trông xe. Sau đó anh T1 có đi vào cổng nhà anh Kh, nhìn qua cửa sổ thấy bị cáo T đang đứng trên giường chửi một người đàn ông, không biết việc đánh nhau và hành vi cụ thể của bị cáo T và bị cáo M, vì vậy không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T1.

- Chiếc xe máy Biển kiểm soát 17AA-733.58 của Phạm Văn M sử dụng để đến nhà anh Khánh đánh anh D, sau khi sự việc xảy ra Phạm Văn M đã bán chiếc xe trên cho ông Lại Văn Th, sinh năm 1959, trú tại thôn B S, xã V N, huyện K X, tỉnh Thái Bình sau đó ông Th đã bán lại cho người không biết tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn M phạm tội “Giết người”

[2] Hình phạt:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2021.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 57 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2022.

[3] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 590 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn M phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Đăng D, sinh năm 1980; trú tại: Khu 2, thị trấn M T, huyện M T, tỉnh Lai Châu các khoản sau:

- | | |
|---|-----------------|
| - Chi phí cứu chữa, thuốc men: | 35.189.404 đồng |
| - Chi phí đi lại: | 27.600.000 đồng |
| - Thu nhập bị mất trong thời gian điều trị và phục hồi: | 36.000.000 đồng |
| - Công người chăm sóc: | 1.500.000 đồng |
| - Tiền bồi dưỡng sức khỏe, tổn thất tinh thần | 30.000.000 đồng |

- Thu nhập bị giảm sút:

19.711.000 đồng

Tổng cộng

150.000.404 đồng

Kỷ phần từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T 120.000.404 đồng (đã bồi thường được 50.000.000 đồng, còn phải bồi thường 70.000.404 đồng); bị cáo Phạm Văn M 30.000.000 đồng, đã bồi thường 22.000.000 đồng còn phải bồi thường 8.000.000 đồng.

Chuyển số tiền 8.000.000 đồng bị cáo M đã nộp bồi thường tại Biên lai thu số 0002123 ngày 31/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang khoản thi hành án bồi thường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại, có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ chăn có họa tiết carô; 01 ga trải giường dạng chun, màu xám; 01 vỏ gối màu xanh; 01 vỏ đệm; 01 vỏ gối dạng gối ôm; 01 đoạn ống tre nửa dạng điều cây, 01 đôi giày thể thao màu xám, 01 mũ bảo hiểm, 01 quần dài dạng thể thao.

- Tuyên trả bị cáo Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade Biển kiểm soát 17B1-124.48, 01 điện thoại di động Nokia 222.

(Thể hiện chi tiết tại Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày ngày 22/4/2022)

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng án phí dân sự. Bị cáo Phạm Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn M, bị hại anh Phạm Đăng D có mặt tại phiên tòa - có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình; Trại tạm giam
- Sở tư pháp;
- Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội
- Bị cáo; Bị hại; NBC
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Lương Hải Yến